

BÁO CÁO

TẦM NHÌN KINH TẾ VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020: TỔNG QUAN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THỜI KỲ 2011-2020

(Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Hội nghị CG giữa kỳ 2010 ngày 09-10/6/2010
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang)

Việt Nam đang tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; tiềm lực kinh tế được tăng cường; nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành và phát triển.

1. Việt Nam hiện đang ở vị trí nào trong bản đồ kinh tế, xã hội của thế giới và sẽ ở vị trí nào vào năm 2020?

Sau hơn 20 năm đổi mới, tiềm lực kinh tế của Việt Nam được nâng cao, đất nước đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 7,2%/năm. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2010 theo giá thực tế đạt trên 106 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt 1.200 USD. Năng lực sản xuất nhiều ngành kinh tế tăng đáng kể. Tỷ lệ đô thị hoá tăng từ 24,2% năm 2000 lên trên 30% năm 2010. Thể chế kinh tế thị trường từng bước được hình thành và phát triển, tình trạng phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế từng bước được xoá bỏ. Các loại thị trường cơ bản đã hình thành và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn kết ngày càng tốt hơn với thị trường thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Môi trường sống được quan tâm hơn và từng bước được cải thiện.

Tuy nhiên chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc. Tăng trưởng dựa chủ yếu dựa vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, yếu tố vốn đóng góp 52,7% vào tăng trưởng, gấp gần 3 lần mức đóng góp của nhân tố lao động (19,1%); đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp còn thấp (28,2%). Khoảng cách về thu nhập bình quân đầu người so với các nước trong khu vực vẫn còn lớn. Năm 2007, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam chỉ bằng 33% GDP/người của Trung Quốc, 11% của Malaysia và bằng khoảng 4% của Hàn Quốc. Thể chế kinh tế thị trường chưa theo kịp yêu cầu phát triển; sức sản xuất chưa được giải phóng triệt để. Việc hình thành các loại thị trường chậm và chưa đồng bộ. Còn nhiều lúng túng trong phát triển thị trường bất động sản; Nhà nước chưa kiểm soát được đầy đủ các quan hệ thị trường, còn tồn tại các yếu tố đầu cơ. Thị trường lao động còn nhiều yếu kém. Thị trường khoa học và công nghệ còn nhỏ bé.

Những cản trở chủ yếu ảnh hưởng đến mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trên con đường CNH, HĐH đất nước:

Việt Nam thiếu một luận cứ vững chắc cho một chiến lược kinh tế để phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, nhanh chóng đưa đất nước ta tiến

lên, đuổi kịp các nước trong khu vực. Thiếu một chiến lược rõ ràng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế để khai thác các lợi thế so sánh của cả nước và của từng vùng lãnh thổ. Thiếu một chiến lược để phát huy lợi thế của con người Việt Nam. Chưa có chiến lược rõ ràng về chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp (khu vực nông nghiệp) sang khu vực năng suất lao động cao (khu vực phi nông nghiệp), tỷ trọng lao động khu vực nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn quá lớn, tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp, chất lượng lao động chưa cao dẫn đến khó có một nền kinh tế tăng trưởng có chất lượng. Thiếu một chiến lược phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng cả phần cứng và phần mềm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại những rủi ro về ổn định kinh tế vĩ mô, hệ thống tài chính - ngân hàng và hiệu lực của chính sách tiền tệ; rủi ro về điều chỉnh chính sách trong quá trình hội nhập; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc, bội chi ngân sách của nước ta luôn ở mức khoảng 5% GDP, thâm hụt tài khoản vãng lai còn lớn. Tiến trình cải cách doanh nghiệp nhà nước và hệ thống tài chính - ngân hàng chậm làm hạn chế hiệu quả và hiệu lực của các cải cách khác cũng như việc cải thiện môi trường kinh doanh. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách còn những bất cập, chưa thật đồng bộ và thống nhất, môi trường kinh doanh chưa thật sự bình đẳng, thông thoáng. Sản xuất chưa được giải phóng mạnh mẽ. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước còn thấp, cổ phần hóa còn chậm.

Việc hình thành các loại thị trường và tạo lập một “sân chơi” bình đẳng, giảm chi phí giao dịch và các loại chi phí đầu vào và phát triển dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, kết cấu hạ tầng, nhân lực có kỹ năng. Cải thiện các thể chế kinh tế, chú trọng vào việc nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng dự báo được của “luật chơi” và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật là những việc cần phải làm.

Một số vấn đề xã hội - môi trường còn nhiều bức xúc, vấn đề đói nghèo, các lĩnh vực văn hoá, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu; cơ chế, chính sách còn nhiều mặt chậm đổi mới; tình trạng thiếu việc làm còn phổ biến. Chất lượng giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu của phát triển. Nhiều vấn đề lớn đang tồn tại cần giải quyết như đô thị hóa và di dân nông thôn - thành thị; tích tụ đất đai và bất bình đẳng xã hội. Vấn đề bảo vệ môi trường còn nhiều yếu kém, là thách thức lớn trong quá trình phát triển. Nhận thức và ý thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững chưa đầy đủ. Việc thực thi luật pháp và chính sách bảo vệ môi trường chưa nghiêm, chưa đồng bộ, hiệu lực hiệu quả còn rất hạn chế. Năng lực của các cơ quan quản lý bảo vệ môi trường từ trung ương đến địa phương còn yếu, chưa đủ sức kiểm soát hiệu quả quá trình thực thi pháp luật bảo vệ môi trường, nhất là đối với các doanh nghiệp.

Từ thực tiễn phát triển đất nước và kết quả thực hiện Chiến lược 10 năm qua có thể rút ra các bài học chủ yếu sau đây:

Một là, phát huy dân chủ, khơi dậy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước.

Hai là, đặc biệt coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của sự phát

triển, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng.

Ba là, bảo đảm độc lập tự chủ và chủ quyền quốc gia, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước.

Bốn là, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

2. Bối cảnh thế giới: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

Trong những thập niên tới, bối cảnh thế giới đang thay đổi nhanh, phức tạp và khó lường; hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục là xu thế lớn. Toàn cầu hóa và những liên kết mới tiếp tục phát triển cả về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen nhau rất phức tạp. Xu hướng toàn cầu hoá tiếp tục diễn ra mạnh mẽ, không có một quốc gia nào có thể phát triển và tiến hành CNH, HĐH lại có thể đứng ngoài xu thế đó. Muốn trở thành một nước công nghiệp được thế giới công nhận cũng phải chịu sự cọ sát, cạnh tranh với cả thế giới. Để đạt mục tiêu này Việt Nam buộc phải hội nhập thành công và nâng cao vị thế của mình.

Hội nhập quốc tế là cơ hội cũng là thách thức lớn, là con đường tất yếu mà đất nước phải trải qua để tiến lên trở thành nước công nghiệp hiện đại. Hội nhập vào quá trình toàn cầu hoá kinh tế trong một thế giới phát triển năng động và đầy biến động, Việt Nam cần lựa chọn phương thức ứng xử phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, hội nhập thành công để nhanh chóng trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Thế giới đang có nhiều thay đổi to lớn, sâu sắc sang một nền kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức phát triển mạnh và do đó, con người và tri thức đang trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của mỗi quốc gia. Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường sẽ được định vị lại theo hướng coi trọng vai trò của Nhà nước trong việc ổn định kinh tế vĩ mô và thực hiện chức năng phát triển. Quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế điều tiết tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học và công nghệ, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Mặt khác, khủng hoảng làm giảm mạnh thương mại và đầu tư toàn cầu, làm trỗi dậy chủ nghĩa bảo hộ sẽ là những thách thức đối với những nền kinh tế có độ mở lớn như nước ta.

Sau khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, thế giới sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới; cuộc đấu tranh cho một trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng hơn sẽ diễn ra mạnh mẽ. Mặc dù Hoa Kỳ vẫn là cường quốc số một và đồng Đô la Mỹ vẫn là đồng tiền chủ yếu trong thanh toán quốc tế nhưng tương quan sức mạnh của các nền kinh tế và cục diện phát triển toàn cầu sẽ thay đổi. Trật tự quốc tế đang chuyển theo hướng từ đơn cực sang đa cực với sự tăng nhanh tiềm lực kinh tế, quân sự của Trung Quốc, sự phục hồi sức mạnh và vị thế của Nga, sự phát triển của Ấn Độ...

Dù muốn hay không, trước hết cần phải thừa nhận trên thế giới ngày nay có nhiều biến động và tác động ngoài ý muốn chủ quan của chúng ta. Việt Nam lựa chọn cách ứng xử nào trong một thế giới toàn cầu hoá này? Đối với nước ta dường như chỉ có một sự lựa chọn duy nhất, đó là: tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn, hay nói cách khác, phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ toàn diện, đồng bộ để đưa đất nước tiến lên, nếu không sẽ bị tụt hậu ngày càng xa so với thế giới năng động hiện nay.

3. Quan điểm và mục tiêu phát triển

Các quan điểm phát triển trong Chiến lược phát triển kinh tế xã hội thời kỳ 2011-2020 là:

1/. Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh; phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững.

2/. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Kiên trì và quyết liệt thực hiện đổi mới. Đổi mới trong lĩnh vực chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế. Coi việc thực hiện mục tiêu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh là tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hiệu quả của quá trình đổi mới và phát triển.

3/. Thực hành dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển. Phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người được phát triển toàn diện. Phát huy lợi thế dân số và con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chăm lo lợi ích chính đáng và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của mọi người dân, thực hiện công bằng xã hội.

4/. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất với trình độ khoa học công nghệ ngày càng cao đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất và thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực.

5/. Phải xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ ngày càng cao trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Phát huy nội lực và sức mạnh dân tộc là yếu tố quyết định, đồng thời tranh thủ ngoại lực và sức mạnh thời đại là yếu tố quan trọng để phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Phát triển lực lượng doanh nghiệp trong nước với nhiều thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao để làm chủ thị trường trong nước, mở rộng thị trường ngoài nước, góp phần bảo đảm độc lập tự chủ của nền kinh tế. Trong hội nhập quốc tế, phải luôn chủ động thích ứng với những thay đổi của tình hình, bảo đảm hiệu quả và lợi ích quốc gia.

Mục tiêu phát triển tổng quát của Việt Nam là: *Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh*

thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

Mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường: Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 7 - 8%/năm. GDP bình quân đầu người đạt khoảng 3.000-3.200 USD. Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại, hiệu quả. Tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP. Giá trị sản phẩm công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP. Giá trị sản phẩm công nghiệp chế tạo chiếm khoảng 40% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Nông nghiệp có bước phát triển toàn diện, hiệu quả, bền vững, nhiều sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30% lao động xã hội. Kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ. Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 45%. Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%.

Xây dựng xã hội đồng thuận, dân chủ, kỷ cương, công bằng, văn minh. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tốc độ tăng dân số ổn định ở mức 1,1%; tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; đạt 9 bác sỹ và 26 giường bệnh trên một vạn dân¹, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; lao động qua đào tạo chiếm trên 70%, lao động qua đào tạo nghề chiếm 55% tổng lao động xã hội; tỷ lệ hộ nghèo giảm 2-3%/năm; phúc lợi, an sinh xã hội được bảo đảm. Thu nhập thực tế của dân cư gấp khoảng 3,5 lần so với năm 2010; thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các vùng và nhóm dân cư. Xóa nhà ở đơn sơ, tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 70%, bình quân 25 m² sàn xây dựng/người.

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Số sinh viên đạt 450 trên một vạn dân. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện.

Cải thiện chất lượng môi trường. Đưa tỷ lệ che phủ rừng lên 45%. Hầu hết dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị xử lý chất thải; trên 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn môi trường. Các đô thị loại IV trở lên và tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% chất thải rắn thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn. Cải thiện và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm nặng. Chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng.

4. Định hướng phát triển, đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hài hoà giữa chiều rộng và chiều sâu theo hướng chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh, chú trọng phát triển theo chiều sâu, phát triển kinh tế tri thức. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế,

¹ Không kể số giường bệnh của các trạm xá cấp xã.

trọng tâm là cơ cấu lại các ngành sản xuất, dịch vụ; thúc đẩy cơ cấu lại doanh nghiệp và điều chỉnh chiến lược thị trường; tăng nhanh hàm lượng nội địa, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và của cả nền kinh tế. Tạo chuyển biến tiến bộ về phân công lao động xã hội, trong đó tăng tỷ lệ lao động làm việc trong các lĩnh vực công nghệ cao, những lĩnh vực khai thác tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam để tham gia phân công lao động quốc tế; tăng tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành và lĩnh vực tạo ra sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt là sản phẩm dịch vụ xuất khẩu. Cơ cấu kinh tế phải tạo ra tăng trưởng nhanh và bền vững, toàn dụng lao động, đem lại công bằng, tiến bộ rõ rệt cho xã hội, nâng cao mức sống của các tầng lớp dân cư. Tăng khả năng và tiềm năng của nền kinh tế để chủ động trong lộ trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới; bảo đảm tự chủ trong kinh tế. Xây dựng cơ cấu kinh tế năng động với các loại hình sản xuất kinh doanh có các quy mô khác nhau (lớn, vừa và nhỏ), có khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình phát triển kinh tế và thương mại quốc tế.

Những định hướng phát triển chủ yếu đến năm 2020:

- *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ và hiện đại là tiền đề quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an ninh kinh tế.

- *Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh, tạo nên tảng cho một nước công nghiệp*. Cơ cấu lại sản xuất công nghiệp, tăng hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị nội địa trong sản phẩm. Phát triển có chọn lọc công nghiệp chế biến, chế tác, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, luyện kim, hoá chất, công nghiệp quốc phòng. Ưu tiên phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, thuộc các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, công nghiệp dược... Phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ. Chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, năng lượng sạch và vật liệu mới đi đôi với áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu. Từng bước phát triển công nghiệp sinh học và công nghiệp môi trường. Tiếp tục phát triển phù hợp các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

- *Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững*. Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới để phát triển sản xuất hàng hóa lớn. Xây dựng mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện từng vùng và từng loại cây, con. Khuyến khích tập trung ruộng đất, phát triển gia trại, trang trại, doanh nghiệp nông nghiệp phù hợp về quy mô và điều kiện của từng vùng. Tiếp tục đổi mới, xây dựng mô hình phát triển kinh tế hợp tác phù hợp với cơ chế thị trường. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất nông nghiệp, nhất là đất trồng lúa sang sử dụng vào mục đích khác đi đôi với việc bảo đảm lợi ích của người trồng lúa và địa phương trồng lúa. Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản; ưu tiên ứng dụng công nghệ sinh học, tăng nhanh giá trị gia tăng trên một đơn vị đất canh tác. Hỗ trợ phát triển các khu nông

nghiệp công nghệ cao. Phát triển mạnh chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh. Phát triển lâm nghiệp bền vững cả rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng. Khai thác bền vững, có hiệu quả nguồn lợi hải sản, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, với bảo vệ môi trường.

- *Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh.* Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, để thúc đẩy sự phát triển của cả nền kinh tế và hội nhập quốc tế. Tập trung sức phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế như: hàng hải, hàng không, viễn thông, du lịch, y tế. Hình thành một số trung tâm dịch vụ có tầm khu vực. Mở rộng thị trường nội địa, phát triển mạnh thương mại trong nước; đa dạng hoá thị trường ngoài nước, khai thác có hiệu quả các thị trường có hiệp định mậu dịch tự do, tăng nhanh xuất khẩu, giảm nhập siêu, phần đầu cân bằng xuất - nhập. Chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu; phát triển hệ thống phân phối các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh ở cả trong và ngoài nước, xây dựng thương hiệu cho hàng hoá Việt Nam. Đa dạng hóa sản phẩm và các loại hình du lịch, nâng cao chất lượng để đạt đẳng cấp quốc tế.

- *Phát triển hài hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới.* Có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và trong nội vùng, giữa các vùng trong nước với các nước trong khu vực. Thúc đẩy phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực, tác động lan toả đến các vùng khác; đồng thời tạo điều kiện phát triển nhanh hơn cho các khu vực đang còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên, Tây Nam và Tây Bắc.

Phát triển đô thị, nâng cao chất lượng và quản lý chặt chẽ quy hoạch đô thị. Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thân thiện với môi trường gồm một số thành phố lớn, nhiều thành phố vừa và nhỏ phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị miền núi, phát triển mạnh các đô thị ven biển. Xây dựng nông thôn mới.

Hình thành và phát triển các hành lang, vành đai kinh tế: Tạo sự kết nối đồng bộ về hệ thống kết cấu hạ tầng để hình thành trục kinh tế Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây, các hành lang kinh tế xuyên Á. Xây dựng trung tâm hợp tác phát triển kinh tế lớn tại các cửa khẩu trên các hành lang kinh tế.

- *Đẩy mạnh phát triển văn hóa; nâng cao chất lượng cuộc sống, thực hiện tốt hơn tiến bộ và công bằng xã hội.* Kết hợp chặt chẽ các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội, các chính sách kinh tế với các chính sách xã hội; thực hiện tốt hơn tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển, phù hợp với trình độ và điều kiện cụ thể.

- *Tập trung đổi mới căn bản, toàn diện, mạnh mẽ giáo dục - đào tạo theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa”,* ưu tiên hàng đầu cho việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo toàn diện “dạy chữ, dạy nghề, dạy người”, đặc biệt coi trọng giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng thực hành, năng lực sáng tạo, lòng tự tôn dân tộc, trách nhiệm xã hội, ngoại ngữ...

- *Đề khoa học và công nghệ trở thành động lực then chốt của quá trình công*

nghiệp hoá, hiện đại hoá và phát triển kinh tế tri thức phải thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ: nâng cao năng lực, đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

- Bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn xã hội; hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ môi trường. Đưa vấn đề bảo vệ môi trường vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng, vào các chương trình, dự án đầu tư. Đẩy mạnh sản xuất và tiêu dùng bền vững, phát triển “năng lượng sạch”, “sản xuất sạch”, “tiêu dùng sạch”, bảo đảm cho người dân được sống trong môi trường có chất lượng ngày càng tốt hơn.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Mục tiêu đối ngoại của Việt Nam là tranh thủ tối đa môi trường quốc tế thuận lợi để xây dựng thành công một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ hoà bình, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới. Việt Nam sẽ tăng cường hợp tác quốc tế, tạo môi trường hoà bình, ổn định và tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài để phát triển đất nước. Tham gia tích cực, chủ động và có trách nhiệm tại các diễn đàn và tổ chức quốc tế, phát huy vị thế của Việt Nam trong việc tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, góp phần phát triển nhanh, bền vững và xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo lập những điều kiện thuận lợi để thu hút mạnh các nguồn vốn quốc tế; thu hút các nhà đầu tư lớn, có công nghệ cao, công nghệ nguồn; mở rộng và đa dạng thị trường xuất, nhập khẩu nhất là với các đối tác truyền thống.

Tập trung sức đột phá những lĩnh vực then chốt để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội:

- Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính nhằm giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng tốt nhất mọi nguồn lực. Tiếp tục đổi mới việc xây dựng và thực thi luật pháp; tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Đổi mới công tác kế hoạch và điều hành phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, đồng thời thực hiện tốt chính sách xã hội. Thực hiện hệ thống cơ chế và chính sách phù hợp nhằm mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của nền kinh tế, đặc biệt là cơ chế, chính sách tài chính, tiền tệ. Tạo lập đồng bộ và vận hành thông suốt các loại thị trường.

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng cho nhu cầu phát triển. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quyết định đảm bảo kinh tế - xã hội phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo - quản lý giỏi, đội ngũ chuyên gia, đội ngũ quản trị doanh nghiệp giỏi và đội ngũ lao động lành nghề. Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng với đòi hỏi đa dạng, đa tầng của công nghệ và trình độ phát triển của các vùng, miền, lĩnh vực, ngành nghề; xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành

lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn, đáp ứng trực tiếp cho nhu cầu của các doanh nghiệp và các nhu cầu thiết yếu khác.

- Tập trung cao các nguồn lực để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn. Hình thành cơ bản hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh và chất lượng ngày càng cao của đất nước. Bằng các hình thức đầu tư đa dạng (BOT, PPP...) khuyến khích, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển kết cấu hạ tầng. Trước hết tập trung hình thành đồng bộ, hiện đại khung kết cấu hạ tầng theo trục giao thông Bắc-Nam, các trục hành lang Đông-Tây, hai hành lang và một vành đai kinh tế; Xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, các tuyến đường bộ đối ngoại đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của đường bộ khu vực; xây dựng các tuyến đường sắt cao tốc và đường sắt tốc độ cao; ưu tiên xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam. Phát triển hệ thống cảng biển quốc gia, các cảng cửa ngõ quốc tế. Tập trung đầu tư các cảng hàng không quốc tế trong khu vực Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh với quy mô và chất lượng phục vụ ngang tầm với các cảng hàng không quốc tế lớn trong khu vực. Nhanh chóng phát triển giao thông vận tải bán sắt tại các đô thị, đường sắt nội - ngoại ô, trước mắt ưu tiên triển khai tại Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Phát triển đồng bộ và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn. Phát triển nhanh nguồn điện và hoàn chỉnh hệ thống truyền tải, đi đôi với sử dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, bảo đảm sự vận hành an toàn, hiệu quả, cung cấp đủ điện cho nhu cầu xã hội. Hiện đại hoá bưu chính - viễn thông đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện hội nhập quốc tế.

----- ***□*** -----

<http://www.vietnam.gov.vn>